

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07/12/2023

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mười Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Đức

2. Ông Trương Văn Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Định - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa sơ thẩm).

Ngày 07 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2023/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1984 (đề nghị vắng mặt); địa chỉ: Tổ D, ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1995 (vắng mặt); địa chỉ: Tổ F, ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/8/2023, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 16/8/2023, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày: Anh và chị Trần Thị H qua mai mối, tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hưng (huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long) theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/7/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm nên hay xảy ra cãi vã, vợ chồng đã khuyên bảo nhiều lần để hàn gắn tình cảm nhưng đều không thành, từ đó vợ chồng không có hạnh phúc. Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh không tạo ra tài sản chung và không có nợ chung.

Anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết: Được ly hôn với chị Trần Thị H, do bận đi làm ở xa nên anh yêu cầu được vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa.

Chị Trần Thị H đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, được triệu tập đến dự phiên tòa vào các ngày 20/11/2023, ngày 07/12/2023 nhưng vắng mặt và chưa có ý kiến bằng văn bản cung cấp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét anh Trần Văn T yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị H, chị H có nơi đăng ký thường trú thuộc huyện B nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Xét anh T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, chị H đã được triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa vào các ngày 20/11/2023, ngày 07/12/2023 nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh T, chị H là đúng quy định khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét anh T và chị H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét trong quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2014 cho đến nay, mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Xét đời sống vợ chồng đã không có hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Sau khi thụ lý vụ án, anh đề nghị được vắng mặt, chị H không tham dự phiên tòa, có căn cứ xác định anh T chị H đã không thể cải thiện tình cảm vợ chồng, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn chị H là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Anh T xác định không có con chung với chị H và không yêu cầu xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn T phải nộp án phí 300.000đ theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T.

1. Về hôn nhân: Anh Trần Văn T được ly hôn chị Trần Thị H.

2. Về con chung: Anh T xác định không có con chung với chị H nên không yêu cầu xem xét.

3. Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn T phải chịu án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*); số tiền án phí phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0000350 ngày 20/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA): 01;
- VKSND huyện Bình Tân: 01;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01;
- Các đương sự: 02;
- UBND xã Tân Hưng
- (h. Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long): 01;
- Lưu: 04.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Mười Hai

